

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày: 21-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Hồng T (Tên gọi khác: Nồn); Giới tính: Nam; Sinh năm 1990 tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Phạm Văn L và bà Trần Thị C; Bị cáo có vợ tên là La Thị Diệu M và có 02 con (sinh năm 2017 và 2019); Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 27-10-2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 01-7-2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương; Tiền sự: Không;

Bị cáo Phạm Hồng T bị bắt tạm giữ từ ngày 14-11-2019, sau đó bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Ông Phan Văn H-Người chứng kiến. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hồng T là người có sử dụng ma túy. Qua mối quan hệ ngoài xã hội, T có số điện thoại của Đ (Không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 14-11-2019, T gọi điện thoại cho Đ hỏi mua ma túy. Đ đồng ý và hẹn Thái đến trước khu vực trước quán Karaoke Fly đường N, phường H, thành phố P để thực hiện việc mua bán ma

túy. Sau đó, T thuê xe ôm đi đến địa chỉ nêu trên thì gặp Đ. Tại đây, Đ bán cho Thái 01 gói nilon bên trong chứa ma túy đá với giá 500.000 đồng. T cất gói ma túy vào túi quần rồi thuê xe ôm đi đến thuê phòng số 8, Nhà nghỉ số 73 đường T, thành phố P để ở. Tại đây, T lấy gói ma túy vừa mua được ra sử dụng một ít; số ma túy còn lại, T cất giấu trong túi quần để sử dụng dần. Đến 22 giờ 10 phút cùng ngày, khi T đang ở trong phòng số 8, Nhà nghỉ 73 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phối hợp với Phòng PC04-Công an tỉnh Gia Lai và Công an phường Y phát hiện, bắt quả tang; thu giữ trong túi quần của T 01 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong theo quy định) và thu giữ của T 01 bình thủy tinh trên nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh được uốn cong một đầu và 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu vàng trắng, kèm sim, số seri: 89840.20001.06323.54130.

Tại Bản kết luận giám định số 685/KLGĐ ngày 22-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon trong bì Công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 0,1565 gam”*.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phạm Hồng T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Hồng T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T với mức án tù 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù.

Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

-Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 685/PC09 ngày 22-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 bình thủy tinh trên nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh được uốn cong một đầu.

-Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu vàng trắng, kèm sim, số seri: 89840.20001.06323.54130.

Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Hồng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 22 giờ 10 phút ngày 14-11-2019, tại phòng số 8, Nhà nghỉ số 73 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Phạm Hồng T đang có hành vi cất giấu 0,1565 gam ma túy, loại Methamphetamine, với mục đích sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Hành vi tàng trữ 0,1565 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng do bị cáo Phạm Hồng T thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo Phạm Hồng T hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái pháp luật nhưng do bản thân có sử dụng ma túy và không có ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ 0,1565 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Bị cáo T có 01 tiền án, ngày 27-10-2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, do vậy lần này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Chất ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 685/PC09 ngày 22-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 bình thủy tinh trên nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh được uốn cong một đầu là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu vàng trắng, kèm sim, số seri: 89840.20001.06323.54130 là phương tiện bị cáo liên lạc để mua ma túy nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[4] Bị cáo Phạm Hồng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với đối tượng tên Đ là người đã bán ma túy cho bị cáo T. Do bị cáo Thái không biết được lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh và khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (14-11-2019).

3. Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

-Tịch thu tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 685/PC09 ngày 22-11-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 bình thủy tinh trên nắp có gắn một đoạn ống thủy tinh được uốn cong một đầu.

-Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu vàng trắng, kèm sim, số seri: 89840.20001.06323.54130.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-02-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

4. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Hồng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên

